ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BA VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*Ba Vinh, ngày tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nối tiếp BTXM đường Huy Vlăng - Làng Chùa *(GĐ3)*

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của UBND xã Ba Vinh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ba Vinh (Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, xã);

Theo đề nghị của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Ba Vinh tại Công văn số 20/TTCUDVC ngày 03/11/2026 và Công văn số 56/KT ngày 04/11/2026 của Phòng Kinh tế xã về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nối tiếp BTXM đường Huy Vlăng - Làng Chùa (GĐ3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nối tiếp BTXM đường Huy Vlăng - Làng Chùa *(GĐ3)*, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Nối tiếp BTXM đường Huy Vlăng - Làng Chùa *(GĐ3)*.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

3. Mã định danh: Không có

4. Địa điểm xây dựng: Xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Điểm đầu: Giáp với đường BTXM hiện hữu.

- Điểm cuối: Giáp với đường BTXM hiện hữu.

- Diện tích sử dụng đất: Công trình nằm trên phạm vi tuyến đường cũ đã có nên không chiếm đất mới.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Ba Vinh.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Ba Vinh.

7. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Tôn Dung; Mã số doanh nghiệp: 4300486645.

8. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng tuyến đường BTXM nhằm đảm bảo an toàn giao thông cho người và các phương tiện tham gia giao thông, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ góp phần vào việc phát triển kinh tế và giữ vững an ninh trật tự và đồng thời từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn xã Ba Vinh phù hợp với quy hoạch được duyệt.

9. Quy mô xây dựng, giải pháp thiết kế: Nối tiếp BTXM đường Huy Vlăng - Làng Chùa *(GĐ3)* được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 10380-2014: Đường GTNT-Yêu cầu thiết kế, kết hợp tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054 - 2005.

- Cấp thiết kế: Cấp B.

- Cấp công trình: Cấp IV

- Tốc độ thiết kế: Vtk = 20Km/h

Bảng các thông số kỹ thuật chủ yếu thiết kế tuyến

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Chỉ tiêu
I	Nền, mặt đường	
1	Tổng chiều dài đoạn tuyến	591.61 m
2	Loại và cấp công trình	Công trình giao thông,Cấp IV
4	Tốc độ thiết kế	20 km/h
5	Bề rộng nền đường	6,0 m
6	Bề rộng mặt đường và lề gia cố	3,5+0,75mx2 = 5,0 m
7	Bề rộng lề đường	0,5mx2=1,0m
8	Taluy nền đào	1:1
9	Taluy nền đắp	1:1.5
10	Dốc ngang mặt đường và lề gia cố	2%
11	Dốc ngang lề đường	4%
12	Dốc dọc tối đa đoạn tuyến	2.3%
13	B. kính cong nằm tối thiểu	10m
14	Bk cong đứng (Lồi/Lõm)	200m/100m
15	Tải trọng trục thiết kế	2.5T
16	Kết cấu mặt đường	BTXM M250, đá 2x4 dày 18cm

10. Giải pháp thiết kế:

10.1. Hướng tuyến và bình đồ:

- Phương án thiết kế tuyến bám theo tim tuyến cũ, đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường, không đền bù giải phóng mặt bằng.

- Các điểm khống chế: Điểm đầu, điểm cuối, các cống hiện hữu trên tuyến, công trình thuỷ lợi, nước sinh hoạt, khu dân cư, các công trình hiện hữu còn tận dụng được.

10.2. Trắc dọc tuyến:

Trắc dọc tuyến được thiết kế cơ bản dựa trên các nguyên tắc sau:

- Ưu tiên tận dụng các công trình cũ còn tận dụng được.

- Đường đỏ được thiết kế theo nguyên tắc khối lượng đào đắp nhỏ nhất nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của tuyến nhằm giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Cao độ mặt đường thiết kế phải tuân theo cao độ tại các điểm khống chế.

- Độ dốc dọc các đoạn tuyến thiết kế lớn nhất i= 2.3%

10.3. Thiết kế cắt ngang – Nền đường:

Cắt ngang nền đường được thiết kế theo theo tiêu chuẩn TCVN 10380-2014: Đường GTNT - Yêu cầu thiết kế. Kết hợp tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054 – 2005. Cụ thể như sau

- Bề rộng nền đường : Bn = 6.0 m.
- Bề rộng mặt đường và lề gia cố : Bm = 3.5x(2x0.75m) =5.0m.
- Bề rộng lề đất : Bl = 2x0,5m = 1,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường và lề Gc : Im=2%
- Độ dốc ngang lề đất : Il=4%.

- Khi vào đường cong, độ dốc ngang của mặt đường được thiết kế là độ dốc siêu cao ứng với bán kính đường cong nằm và tốc độ thiết kế của đường, độ dốc siêu cao tối đa 5%.

10.4. Thiết kế kết cấu mặt đường và lề gia cố:

- Bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 18cm.

- Lớp lót tấm ni lông tạo phẳng, chống thấm.

- Lớp cấp phối đá dăm loại B, dày 12cm đầm chặt K≥98

- Nền đường đầm chặt K>=95.

10.5/ Thiết kế lề đường:

+ Độ dốc ngang lề đất: Il=4%. Nghiêng ra ngoài mặt đường

+ Lề đường được đắp đất đầm chặt K95.

10.6. Khe nối mặt đường BTXM: Khe dọc bố trí trùng tim đường tuyến chính, khe không có thanh truyền lực. Khe Co được thiết kế bố trí vuông góc khe dọc, khe cách khoảng 5m/Khe, khe không có thanh truyền lực. Khe Dãn được thiết

kế bố trí vuông góc khe dọc, khe cách khoảng 40m/Khe, khe không có thanh truyền lực; Tất cả các khe được cắt bằng máy cắt và rót đầy ma tít.

10.7. Gia cố mái taluy: Đoạn tuyến Km0+724.99 - Km0+798,49 *(hai bên tuyến)*, thiết kế gia cố bằng bê tông M150 đá 2x4 dày 12cm trên lớp lót bao nilong, chân khay mái taluy có kích thước 30x60cm bằng bê tông M150 đá 2x4. Để thoát nước từ trong lòng đường ra ngoài, mái taluy được bố trí tầng lọc ngược bằng hỗn hợp đá 1x2&2x4 bọc vãi địa kỹ thuật, kích thước tầng lọc ngược (25x25x25) cm. Tại vị trí tầng lọc ngược được bố trí ống thoát nước PVC D=34 mm dài 35cm dẫn nước thoát ra ngoài.

11. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	**Quy chuẩn và Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát**	
1	Khảo sát cho xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.	TCXDVN 309:2004
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.	TCXDVN 364:2006
4	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình (TL 1/1000-:-1/500).	96 TCN 43:90
5	Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát đường ô tô	TCCS 31/2020/TCĐBVN
6	Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác	
II	**Quy chuẩn và Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế, thi công và nghiệm thu**	
1	Quy trình thiết kế đường ô tô	TCVN 4054 - 2005 (tham khảo)
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (phần nút giao)	22 TCN 273 - 01
3	Quy chuẩn thiết kế đường GTNT	TCVN 10380-2014
4	Quyết định 932 /QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022 của Bộ GTVT ban hành hướng dẫn một số chỉ tiêu trong tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025	Quyết định 932/QĐ-BGTVT
5	Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng	22 TCN 223-95
6	Thiết kế điển hình cống	86-04X
7	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2012

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
8	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651-2- 2018
9	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp cấp phối đá dăm	TCVN 8859-2023
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2024/BGTV
11	Quy trình thi công công tác đất	TCVN 4447-2012
12	Đất xây dựng. Các phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN4195:2012 đếnTCVN 4202:2012
13	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22 TCN 355 - 2006
14	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333-06
15	Thí nghiệm xác định CBR cho đất, CPĐD trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332-06
16	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7572 : 2006
17	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam liên quan đến xây dựng theo các tiêu chuẩn Việt Nam TCVN hiện hành	

12. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **1.700.000.000 đồng** *(Một tỷ, bảy trăm triệu đồng)*. Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.481.570.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	43.838.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	157.043.000	đồng;
- Chi phí khác:	10.190.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	7.359.000	đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện: Theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của UBND xã Ba Vinh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Ba Vinh thực hiện các kiến nghị của Phòng Kinh tế tại Công văn số 56/KT

ngày 04/11/2026 và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, tiến độ và sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế; Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- KBNN KV XV- PGD số 21;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

Phan Quang Đức